

UNIT 4:**LIFE IN THE PAST****I/ NEW WORDS:****SKILLS 1-2-LOOKING BACK****SKILLS 1**

- publicise
- elastic-band jumping
- crossing one's hands in the front
- bow
- submission (skills 2)

LOOKING BACK

- long-preserved tradition
- social position
- candied fruit
- time-consuming
- patience
- bread-winner

SKILLS 1

- (v): công khai
- (n): trò chơi lò cò
- (v):k. tay trước ngực
- (v): cúi đầu chào
- (n) : sự nộp, sự trình

LOOKING BACK

- (n): truyền thống lâu đời
- (n): địa vị xã hội
- (n): mút trái cây
- (adj): tốn thời gian
- (n): sự kiên nhẫn
- (n):LĐ chính, trụ cột gia đình